

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ K  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày: 08 - 4 - 2021

*V/v Tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Kim Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc Anh.
2. Ông Phan Văn Truyện.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lệ – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2020/TLDS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXDS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An; chỗ ở hiện nay tại: Số 61, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Phương Q1, sinh năm 1983 và bà Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông Q có mặt; ông Q1 và bà T vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông Nguyễn Phương Q1 và bà Huỳnh Thị Bích T là vợ chồng hợp pháp. Vào ngày 05 tháng 6 năm 2016, ông cho ông Q1 và bà T vay số tiền 15.000.000 đồng. Khi ông giao số tiền 15.000.000 đồng cho ông Q1 và bà T thì ông Q1 viết, ký biên nhận nợ. Khi vay các bên thỏa thuận miệng không lãi suất, thời hạn vay 01 tháng. Từ khi vay đến nay, ông Q1 và bà T chưa trả cho ông được khoản tiền gốc, lãi nào. Mục đích ông Q1 và bà T vay tiền của ông để phụ vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình ông Q1 và bà T. Khi vay ông Q1 và bà T không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Q1 và bà T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông tiền vay gốc 15.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tổng đạt hợp lệ đối với ông Q1 và bà T nhưng ông Q1 và bà T không đến tham dự các phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Đồng thời, ông Q1 và bà T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì và không gửi văn bản nêu ý kiến về việc ông Q và bà V khởi kiện yêu cầu ông Q1 và bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông Q. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, trong đó bị đơn là ông Q1 và bà T có địa chỉ tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông Q1 và bà T tại phiên tòa: Ông Q1 và bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Q1 và bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q1 và bà T là phù hợp theo các Điều 177, 179, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của ông Q và bà V khởi kiện yêu cầu ông Q1 và bà T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q số tiền vay gốc

15.000.000 đồng là có chứng cứ chứng minh thể hiện qua biên nhận ngày 05 tháng 6 năm 2016 do ông Q1 ký nhận nợ. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc ông Q1 và bà T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q số tiền gốc 15.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với các 463, 466, 288 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Q được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Q1 và bà T phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 15.000.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước. Ông Q và bà V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 179, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 288 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; các Điều 3, 6, 12, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q, buộc ông Nguyễn Phương Q1 và bà Huỳnh Thị Bích T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**2.** Về án phí, tạm ứng án phí:

**2.1** Buộc ông Nguyễn Phương Q1 và bà Huỳnh Thị Bích T phải có nghĩa vụ liên đới chịu 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

**2.2** Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009480 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

**3.** Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng

đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Kim Diệu**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

